

# **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# **Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 37

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 29 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại số 87, phố Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên	
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên	
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên	
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020
Ông Công Việt Hải	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 5 năm 2020

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lương Thị Kim Thanh	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Hồng Thúy	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Hải	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Doãn Liêm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Thọ	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Doãn Liêm, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Doãn Liêm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61517483/21859593

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 37, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Tình Xuân Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2018-004-1

Lê Minh Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4656-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.110.184.421.789</b>	<b>1.194.047.298.733</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>21.865.758.073</b>	<b>27.565.489.382</b>
111	1. Tiền		21.865.758.073	27.565.489.382
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>550.569.853.548</b>	<b>528.142.532.879</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	546.593.507.747	501.587.680.940
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	7.780.642.906	7.783.986.473
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	3.509.828.835	22.024.055.932
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(7.314.125.940)	(3.253.190.466)
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>521.559.928.446</b>	<b>623.316.245.332</b>
141	1. Hàng tồn kho		531.549.663.980	640.435.181.618
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(9.989.735.534)	(17.118.936.286)
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>16.188.881.722</b>	<b>15.023.031.140</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		894.830.916	198.624.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		15.272.799.899	14.803.156.233
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		21.250.907	21.250.907
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>163.425.001.180</b>	<b>158.681.342.501</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>74.408.758.917</b>	<b>78.482.588.845</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	46.543.526.117	50.617.356.045
222	Nguyên giá		173.642.281.799	172.760.057.930
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(127.098.755.682)	(122.142.701.885)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	27.865.232.800	27.865.232.800
228	Nguyên giá		30.571.666.000	30.571.666.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.706.433.200)	(2.706.433.200)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>34.801.626.759</b>	<b>23.953.413.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	34.801.626.759	23.953.413.000
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>12</b>	<b>24.755.393.577</b>	<b>25.177.872.461</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25.177.872.461	25.177.872.461
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(422.478.884)	-
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>29.459.221.927</b>	<b>31.067.468.195</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	29.459.221.927	31.067.468.195
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.273.609.422.969</b>	<b>1.352.728.641.234</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.015.832.417.958</b>	<b>1.096.824.280.106</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.015.832.417.958</b>	<b>1.096.824.280.106</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	536.302.944.395	506.121.778.075
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	8.539.534.844	50.628.740.391
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.806.531.533	2.511.767.209
314	4. Phải trả người lao động		15.952.024.219	18.431.718.909
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.316.855.205	4.929.047.204
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	26.222.267.668	19.394.769.912
320	7. Vay ngắn hạn	18	419.053.295.067	492.607.383.377
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.638.965.027	2.199.075.029
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>257.777.005.011</b>	<b>255.904.361.128</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20</b>	<b>257.777.005.011</b>	<b>255.904.361.128</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		209.790.000.000	209.790.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		209.790.000.000	209.790.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		2.444.991.780	2.444.991.780
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.542.013.231	43.669.369.348
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.479.547.244	9.389.199.305
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		37.062.465.987	34.280.170.043
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.273.609.422.969</b>	<b>1.352.728.641.234</b>

Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.058.474.683.459	2.316.065.509.081
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(99.067.000)	(367.371.360)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	2.058.375.616.459	2.315.698.137.721
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.781.080.043.809)	(2.042.341.575.951)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		277.295.572.650	273.356.561.770
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	10.350.851.595	8.452.709.133
22	7. Chi phí tài chính	24	(51.653.455.197)	(53.999.076.817)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(28.829.169.015)	(41.979.025.318)
25	8. Chi phí bán hàng	25	(137.543.132.738)	(140.011.300.808)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(49.853.752.335)	(40.498.731.585)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		48.596.083.975	47.300.161.693
31	11. Thu nhập khác	26	3.853.573.625	1.560.017.671
32	12. Chi phí khác	26	(508.043.837)	(1.323.944.700)
40	13. Lợi nhuận khác	26	3.345.529.788	236.072.971
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.941.613.763	47.536.234.664
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(11.379.147.776)	(9.756.064.621)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		40.562.465.987	37.780.170.043
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	1.706	1.572

Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>01</b>	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>51.941.613.763</b>	<b>47.536.234.664</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		7.269.591.650	5.658.091.444
03	Các khoản dự phòng		14.753.902.442	9.240.937.580
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.687.771.537	3.964.467.957
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.120.547.147)	(1.200.122.119)
06	Chi phí lãi vay	24	28.829.169.015	41.979.025.318
07	Các khoản điều chỉnh khác		-	(1.545.218.606)
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>107.361.501.260</b>	<b>105.633.416.238</b>
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(26.957.899.809)	72.614.206.703
10	Giảm hàng tồn kho		91.485.828.802	133.547.722.993
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		(10.770.330.860)	12.946.856.193
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(109.206.916)	1.409.622.268
14	Tiền lãi vay đã trả		(28.941.361.014)	(42.188.337.414)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.398.232.893)	(5.745.930.244)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.683.532.106)	(8.990.630.424)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>114.986.766.464</b>	<b>269.226.926.313</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(15.776.600.906)	(15.091.950.769)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		302.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(406.560.000)
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.818.547.147	1.200.122.119
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(13.656.053.759)</b>	<b>(14.298.388.650)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.395.462.763.758	1.889.079.624.415
34	Tiền trả nợ gốc vay		(1.469.016.852.068)	(2.142.729.977.304)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(33.512.190.400)	(31.455.021.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(107.066.278.710)</b>	<b>(285.105.373.889)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(5.735.566.005)</b>	<b>(30.176.836.226)</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu năm</b>		<b>27.565.489.382</b>	<b>57.749.224.752</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		35.834.696	(6.899.144)
<b>70</b>	<b>Tiền cuối năm</b>	<b>4</b>	<b>21.865.758.073</b>	<b>27.565.489.382</b>



Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 (“Công ty”), tiền thân là Công ty Dược phẩm cấp I, một doanh nghiệp nhà nước thuộc Tổng Liên hiệp các Xí nghiệp dược Việt Nam, nay thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam. Vào ngày 29 tháng 6 năm 2010, Công ty chính thức chuyển thành Công ty TNHH MTV Dược phẩm Trung ương 1 theo Quyết định số 045/QĐ-TCTD của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dược Việt Nam. Thực hiện theo Quyết định số 2290/QĐ-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt phương án cổ phần hóa, Công ty đã chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC 1.

Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100108536 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 4 tháng 1 năm 2016. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 13 được cấp ngày 29 tháng 7 năm 2020.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 87 phố Nguyễn Văn Trỗi, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 346 người (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 351 người).

**Cấu trúc Công ty**

Trong năm 2020, Công ty có 1 cơ sở bán buôn và 4 chi nhánh hạch toán phụ thuộc (“đơn vị trực thuộc”). Chi tiết như sau:

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Cơ sở bán buôn số 1	Quầy 438, tầng 4, Trung tâm Phân phối Dược phẩm và Trang thiết bị Hapulico, tòa nhà 24T1, đường Nguyễn Huy Tưởng, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	Số 297/24A, đường Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Quảng Ninh	Số 146, ngõ 3, đường Cao Thắng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Đà Nẵng	Lô 75-76-77, khu Dân cư, số 2, đường Phần Lãng, phường An Khê, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Bắc Giang (*)	Lô 42+43 – N12, đường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1 - Chi nhánh Nghệ An	Số 11, đường Lenin, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

(\*) Chi nhánh Bắc Giang của Công ty đã chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 23518/20 ngày 5 tháng 10 năm 2020 của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Cơ sở lập báo cáo tài chính của Công ty*

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính của văn phòng Công ty và sử dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các chỉ tiêu của báo cáo tài chính được thực hiện bằng cách hợp cộng các chỉ tiêu tương ứng của tất cả báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc.

Các giao dịch đầu tư vốn, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, sản phẩm, thu hộ, chi hộ,... giữa văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau được cần trừ vào chỉ tiêu tương ứng trên báo cáo tài chính.

### 2.3 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

### 2.4 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.5 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

#### 3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hàng hóa với chi phí mua được xác định như sau:

Hàng hóa chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

#### 3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài.

#### 3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	5 - 8 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

#### 3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Chi phí trả trước (tiếp theo)**

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo vào ngày 21 tháng 10 năm 2005 và ngày 21 tháng 2 năm 2017 với thời hạn thuê từ ngày 21 tháng 10 năm 2005 đến ngày 21 tháng 10 năm 2050 và từ ngày 21 tháng 2 năm 2017 đến ngày 16 tháng 8 năm 2050. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

**3.10 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ được cung cấp và được nghiệm thu, xác nhận bởi khách hàng.

*Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản góp vốn liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

#### 3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty kinh doanh hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý và Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý.

#### 3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.155.511.573	4.804.539.373
Tiền gửi ngân hàng	17.710.246.500	22.760.950.009
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.865.758.073</b>	<b>27.565.489.382</b>

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Bệnh Viện Chợ Rẫy	30.856.833.364	32.771.959.649
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Gia Lai	17.839.956.611	11.510.115.700
Bệnh viện Bạch Mai	17.423.674.250	39.119.619.670
Bệnh viện K	13.202.416.800	9.630.207.999
Bệnh viện Hữu Nghị Việt Tiệp Hải Phòng	10.299.485.708	8.564.110.404
Phải thu khách hàng khác	456.971.141.014	399.991.667.518
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>546.593.507.747</b>	<b>501.587.680.940</b>
<i>Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	<i>(7.314.125.940)</i>	<i>(3.253.190.466)</i>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, một số khoản công nợ phải thu đã được Công ty sử dụng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số 18.

**5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	7.780.642.906	7.771.543.658
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Đại Đức Hưng – Chi nhánh Hà Nội	4.025.200.001	2.200.000.000
- Công Ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Song Sơn	1.220.000.000	-
- Fitosila Limited Liability Company	1.023.894.923	-
- Suzhou Fushilai Pharmaceutical Co.,Ltd	-	2.192.211.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Dược phẩm Sao Mai	-	1.163.010.000
- Công ty TNHH Dược Khang Long	-	865.912.000
- Trả trước cho người bán khác	1.511.547.982	1.350.410.658
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 29)	-	12.442.815
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.780.642.906</b>	<b>7.783.986.473</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu hàng nhập khẩu ủy thác (*)	132.693.651	-	16.367.763.699	-
Thuế nhập khẩu ủy thác chi hộ	1.057.329.994	-	3.218.521.908	-
Phải thu tiền bồi thường từ nhà cung cấp	1.137.886.881	-	1.137.886.881	-
Ký quỹ, ký cược	225.100.844	-	901.469.641	-
Phải thu ngắn hạn khác	956.817.465	-	398.413.803	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.509.828.835</b>	<b>-</b>	<b>22.024.055.932</b>	<b>-</b>
<i>Trong đó</i>				
<i>Phải thu khác từ bên liên quan</i>				
<i>(Thuyết minh số 29)</i>	-	-	10.935.567.055	-
<i>Phải thu khác</i>	3.509.828.835	-	11.088.488.877	-

(\*) Đây là các khoản phải thu từ các bên giao ủy thác nhập khẩu liên quan đến giá trị các lô hàng nhập khẩu ủy thác đã hoàn thành trong năm và đã được Công ty thanh toán cho nhà cung cấp nhưng chưa được bên giao ủy thác hoàn trả.

**7. NỢ XẤU**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Dược Y tế Thái Bình	1.223.804.500	367.141.350	1.473.804.500	1.031.663.150
Bệnh Viện Đa Khoa Tỉnh Gia Lai	5.304.799.999	3.713.359.999	-	-
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi khác	15.261.226.823	10.395.204.033	8.529.142.409	5.889.075.293
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.789.831.322</b>	<b>14.475.705.382</b>	<b>10.572.886.909</b>	<b>7.319.696.443</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi trên đường	81.715.223.310	-	26.999.444.656	-
Hàng hóa	449.834.440.670	(9.989.735.534)	613.435.736.962	(17.118.936.286)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>531.549.663.980</b>	<b>(9.989.735.534)</b>	<b>640.435.181.618</b>	<b>(17.118.936.286)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 101.608 triệu VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 130.661 triệu VND) được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty như trình bày tại Thuyết minh số 18.

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	17.118.936.286	9.259.132.694
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	10.270.488.084	16.969.395.483
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(17.399.688.836)	(9.109.591.891)
Số cuối năm	9.989.735.534	17.118.936.286

## Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
					Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số dư đầu năm	125.950.549.481	25.500.278.042	18.147.671.999	3.161.558.408	172.760.057.930
- Mua trong năm	-	1.544.430.000	473.331.818	156.753.636	2.174.515.454
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.292.291.585)	-	(1.292.291.585)
Số dư cuối năm	125.950.549.481	27.044.708.042	17.328.712.232	3.318.312.044	173.642.281.799
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	75.007.234.077	18.742.983.244	12.332.018.597	1.155.656.745	107.237.892.663
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số dư đầu năm	83.823.074.504	21.038.103.450	15.611.426.233	1.670.097.698	122.142.701.885
- Khấu hao trong năm	3.401.418.248	1.633.102.793	795.972.558	417.851.783	6.248.345.382
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.292.291.585)	-	(1.292.291.585)
Số dư cuối năm	87.224.492.752	22.671.206.243	15.115.107.206	2.087.949.481	127.098.755.682
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số dư đầu năm	42.127.474.977	4.462.174.592	2.536.245.766	1.491.460.710	50.617.356.045
Số dư cuối năm	38.726.056.729	4.373.501.799	2.213.605.026	1.230.362.563	46.543.526.117

Một số tài sản cố định hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty như được trình bày tại Thuyết minh số 18.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất lâu dài</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu năm	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
Số dư cuối năm	<u>27.870.452.800</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>30.571.666.000</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	5.220.000	2.701.213.200	2.706.433.200
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số dư đầu năm	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
Số dư cuối năm	<u>5.220.000</u>	<u>2.701.213.200</u>	<u>2.706.433.200</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu năm	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>
Số dư cuối năm	<u>27.865.232.800</u>	<u>-</u>	<u>27.865.232.800</u>

**11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kho Tân Tạo - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	<u>34.801.626.759</u>	<u>23.953.413.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>34.801.626.759</b></u>	<u><b>23.953.413.000</b></u>

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>								
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội (i)	2.000.000	20.443.659.675	-	99.600.000.000	2.000.000	20.443.659.675	-	(ii)
Công ty Cổ phần Hóa - Dược phẩm Mekophar (i)	60.984	2.790.867.722	(260.031.722)	2.530.836.000	60.984	2.790.867.722	-	3.300.454.800
Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (i)	99.825	971.029.662	(162.447.162)	808.582.500	90.750	971.029.662	-	783.750.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm TV. Pharm (i)	17.600	300.659.375	-	528.000.000	17.600	300.659.375	-	478.720.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha (i)	18.000	472.871.724	-	563.400.000	18.000	472.871.724	-	605.700.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	18.000	197.784.303	-	(ii)	18.000	197.784.303	-	(ii)
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi - Synthelabo Việt Nam	10	1.000.000	-		10	1.000.000	-	(ii)
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>25.177.872.461</b>	<b>(422.478.884)</b>			<b>25.177.872.461</b>		

(i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của các công ty này được xác định bằng giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(ii) Công ty không thể thu thập được các thông tin cần thiết để thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của giá trị đầu tư tại các công ty này do các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất trả trước	29.018.971.927	30.040.218.195
Chi phí sửa chữa tài sản	440.250.000	1.027.250.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>29.459.221.927</b>	<b>31.067.468.195</b>

**14. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả cho người bán ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	531.572.678.834	531.572.678.834	499.322.065.762	499.322.065.762
- Công ty TNHH Hyphens Pharma	153.216.477.312	153.216.477.312	92.156.098.246	92.156.098.246
- Công ty TNHH B.Braun Việt Nam	85.827.641.816	85.827.641.816	94.503.467.588	94.503.467.588
- Pharmaceutical Work Polpharma S.A.	24.471.441.342	24.471.441.342	57.163.588.722	57.163.588.722
- Phải trả khác	268.057.118.364	268.057.118.364	255.498.911.206	255.498.911.206
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	4.730.265.561	4.730.265.561	6.799.712.313	6.799.712.313
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>536.302.944.395</b>	<b>536.302.944.395</b>	<b>506.121.778.075</b>	<b>506.121.778.075</b>

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	6.456.339.577	25.888.686.119
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	2.083.195.267	7.400.164.537
Công ty TNHH EVD Dược phẩm và Y tế	-	17.339.889.735
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.539.534.844</b>	<b>50.628.740.391</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

*Đơn vị tính: VND*

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	92.078.001	166.420.083.344	(165.275.724.034)	1.236.437.311
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.383.414.482	(2.383.414.482)	-
Thuế sử dụng đất	-	4.855.368.310	(4.855.368.310)	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.429.100.767	2.631.928.482	(2.434.846.221)	1.626.183.028
Thuế thu nhập doanh nghiệp	962.996.311	11.379.147.776	(11.398.232.893)	943.911.194
Phí, lệ phí	27.592.130	430.983.564	(458.575.694)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>2.511.767.209</b>	<b>188.100.925.958</b>	<b>(186.806.161.634)</b>	<b>3.806.531.533</b>

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay trích trước	316.855.205	429.047.204
Chi phí thưởng kinh doanh trích trước	4.000.000.000	4.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.316.855.205</b>	<b>4.929.047.204</b>

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hàng ủy thác	7.516.168.563	9.140.015.919
Kinh phí công đoàn	75.626.420	36.699.745
Cổ tức phải trả	158.940.600	104.731.000
Phải trả chi phí xây dựng cơ bản	3.460.347.804	6.214.219.497
Số dư thư tín dụng (LC UPAS) phải trả (i)	12.018.519.534	-
Các khoản phải trả khác	2.992.664.747	3.899.103.751
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.222.267.668</b>	<b>19.394.769.912</b>

- (i) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 liên quan tới nghiệp vụ mua hàng hóa và thanh toán qua LC UPAS với ngân hàng. Thư tín dụng này bằng USD và phí giao dịch là 4%/năm trên số dư tín dụng hàng tháng.

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Số có khả năng trả nợ		Giảm		Số có khả năng trả nợ		
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị			
Vay ngân hàng	18.1	416.477.383.377	1.387.487.763.758	(1.441.977.452.068)	361.987.695.067	361.987.695.067	
Vay cá nhân	18.2	76.130.000.000	7.975.000.000	(27.039.400.000)	57.065.600.000	57.065.600.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>492.607.383.377</b>	<b>1.395.462.763.758</b>	<b>(1.469.016.852.068)</b>	<b>419.053.295.067</b>	<b>419.053.295.067</b>	

# Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương CPC1

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. VAY NGẮN HẠN (tiếp theo)

### 18.1. Vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	104.633.528.374	Kỳ hạn vay từ 4-5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 29 tháng 5 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.7% - 4.8%	Hàng tồn kho thuộc sở hữu của Công ty tại kho số 356A Giải Phóng – quận Thanh Xuân - Hà Nội
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	93.533.466.885	Kỳ hạn vay từ 4 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 21 tháng 4 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.8% - 5.1%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình	90.094.785.689	Kỳ hạn vay từ 6 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 30 tháng 6 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.8%	Các khoản phải thu liên quan đến hàng hóa thương mại được mua từ nguồn vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	37.258.788.734	Kỳ hạn vay 5 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 17 tháng 5 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.7% - 5.1%	Tài sản trên đất tại 87 Nguyễn Văn Trỗi, quận Thanh Xuân, Hà Nội
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đô	28.217.191.685	Kỳ hạn vay từ 4 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 14 tháng 4 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.8%	Các khoản phải thu liên quan đến hàng hóa thương mại được mua từ nguồn vốn vay
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao Dịch	6.740.048.700	Kỳ hạn vay 4 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng vào ngày 25 tháng 3 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.9%	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	1.509.885.000	Kỳ hạn vay từ 4 tháng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng là ngày 22 tháng 2 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	4.8%	Tài sản gắn liền với đất tại số 356A Giải Phóng, quận Thanh Xuân, Hà Nội

**361.987.695.067**

**TỔNG CỘNG**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**18.2. Vay cá nhân**

Chi tiết các khoản vay cá nhân được trình bày như sau:

<i>Cá nhân</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất/năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Vay cán bộ công nhân viên Công ty	41.749.600.000	Thanh toán nợ gốc khi có yêu cầu. Lãi vay phải trả hàng quý.	6%	Tín chấp
Vay các cá nhân khác	15.316.000.000	Thanh toán nợ gốc khi có yêu cầu. Lãi vay phải trả hàng quý.	6%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>57.065.600.000</u></b>			

**19. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	2.199.075.029	5.216.550.029
Trích lập trong năm ( <i>Thuyết minh số 20.1</i> )	5.123.422.104	5.973.155.424
Sử dụng trong năm	<u>(5.683.532.106)</u>	<u>(8.990.630.424)</u>
Số cuối năm	<u>1.638.965.027</u>	<u>2.199.075.029</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>				
Số dư đầu năm	209.790.000.000	2.444.991.780	43.330.854.729	255.565.846.509
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	37.780.170.043	37.780.170.043
- Chia cổ tức	-	-	(31.468.500.000)	(31.468.500.000)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(5.973.155.424)	(5.973.155.424)
Số dư cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>43.669.369.348</u>	<u>255.904.361.128</u>
<b>Năm nay</b>				
Số dư đầu năm	209.790.000.000	2.444.991.780	43.669.369.348	255.904.361.128
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	40.562.465.987	40.562.465.987
- Chia cổ tức (*)	-	-	(33.566.400.000)	(33.566.400.000)
- Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị	-	-	(312.000.000)	(312.000.000)
- Trích quỹ khen thưởng do hoàn thành và vượt kế hoạch năm 2019 (*)	-	-	(1.311.422.104)	(1.311.422.104)
- Tạm trích quỹ phúc lợi năm 2020 (*)	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
Số dư cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>2.444.991.780</u>	<u>45.542.013.231</u>	<u>257.777.005.011</u>

(\*) Công ty đã thực hiện chia cổ tức và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2019 và tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2020 căn cứ theo Nghị quyết số 1167/2020/NQĐHĐCĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm (Cổ phiếu)			Số đầu năm (Cổ phiếu)		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	13.721.550	13.721.550	-	13.721.550	13.721.550	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	3.000.000	3.000.000	-	3.000.000	3.000.000	-
Cổ đông khác	4.257.450	4.257.450	-	4.257.450	4.257.450	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>	<u>-</u>	<u>20.979.000</u>	<u>20.979.000</u>	<u>-</u>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2019: 10.000 VND/cổ phiếu).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn đầu tư đã góp của chủ sở hữu</b>		
Số đầu năm	209.790.000.000	209.790.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>209.790.000.000</u>	<u>209.790.000.000</u>
<b>Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	(33.566.400.000)	(31.468.500.000)

**20.4 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức năm 2019: 1.600 VND/cổ phiếu	33.566.400.000	
Cổ tức năm 2018: 1.500 VND/cổ phiếu		31.468.500.000
<b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính</b>	-	-
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	-

**20.5 Cổ phiếu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
<b>Cổ phiếu đã được duyệt</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã phát hành</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>	<b>20.979.000</b>	<b>209.790.000.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	20.979.000	209.790.000.000	20.979.000	209.790.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

**21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	19.647.902.927	44.817.015.037
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	36.803	22.494
- Euro (EUR)	16.251	6.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. DOANH THU**

**22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.058.474.683.459</b>	<b>2.316.065.509.081</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	2.027.354.923.047	2.290.739.453.473
Doanh thu cung cấp dịch vụ	31.119.760.412	25.326.055.608
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(99.067.000)</b>	<b>(367.371.360)</b>
Hàng bán bị trả lại	(99.067.000)	(367.371.360)
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>2.058.375.616.459</u></b>	<b><u>2.315.698.137.721</u></b>
Trong đó:		
Doanh thu đối với bên khác	2.048.918.580.059	2.308.807.181.414
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)	9.457.036.400	6.890.956.307

**22.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	33.208.347	37.705.286
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.785.338.800	1.162.416.833
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	8.059.640.784	5.993.317.765
Lãi bán hàng trả chậm	472.663.664	949.013.796
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	310.255.453
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.350.851.595</u></b>	<b><u>8.452.709.133</u></b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	1.781.080.043.809	2.042.341.575.951
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.781.080.043.809</u></b>	<b><u>2.042.341.575.951</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	28.829.169.015	41.979.025.318
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.714.035.761	8.055.583.542
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.687.771.537	3.964.467.957
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	422.478.884	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>51.653.455.197</u></b>	<b><u>53.999.076.817</u></b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	56.490.666.620	57.705.230.269
Chi phí vật liệu, bao bì	8.902.058.058	5.434.900.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	48.534.244.046	52.428.909.215
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.248.345.382	5.658.091.444
Chi phí bán hàng khác	17.367.818.632	18.784.169.178
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>137.543.132.738</u></b>	<b><u>140.011.300.808</u></b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân công	13.209.627.495	11.154.648.000
Chi phí thuê đất	5.815.084.737	4.960.375.023
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	4.060.935.474	1.381.133.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.497.474.793	11.539.538.643
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.270.629.836	11.463.035.929
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>49.853.752.335</u></b>	<b><u>40.498.731.585</u></b>

**26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>		
Hỗ trợ chi phí từ nhà cung cấp	2.861.504.875	-
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	1.545.218.606
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	302.000.000	-
Các khoản khác	690.068.750	14.799.065
	<b><u>3.853.573.625</u></b>	<b><u>1.560.017.671</u></b>
<b>Chi phí khác</b>		
Các khoản phạt chậm nộp thuế	433.316.564	1.323.944.700
Các khoản khác	74.727.273	-
	<b><u>508.043.837</u></b>	<b><u>1.323.944.700</u></b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b><u>3.345.529.788</u></b>	<b><u>236.072.971</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí mua hàng hóa đã bán	1.770.809.555.725	2.025.372.180.468
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.902.058.058	5.783.500.332
Chi phí nhân công	69.700.294.115	68.859.878.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.825.557.308	68.928.822.881
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.269.591.650	5.658.091.444
Trích lập dự phòng	14.331.423.558	18.350.529.473
Chi phí khác	30.638.448.468	30.247.205.107
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.968.476.928.882</u></b>	<b><u>2.222.851.608.344</u></b>

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) của Công ty là 20% trên tổng thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, bao gồm cả các diễn giải về việc áp dụng Nghị định 20/2017/NĐ-CP và Nghị định 68/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành lần lượt vào ngày 24 tháng 2 năm 2017 và ngày 24 tháng 6 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**28.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.130.914.883	9.300.134.377
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.248.232.893	455.930.244
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.379.147.776</u></b>	<b><u>9.756.064.621</u></b>

Dưới đây là đối chiếu giữa lợi nhuận chịu thuế và lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.941.613.763	47.536.234.664
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	10.388.322.753	9.507.246.933
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước (*)	1.248.232.893	455.930.244
Chi phí không được khấu trừ thuế khác	136.408.767	264.788.400
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	69.626.132
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập không chịu thuế	(393.816.637)	(232.483.367)
Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học công nghệ	-	(309.043.721)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b><u>11.379.147.776</u></b>	<b><u>9.756.064.621</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**28.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

(\*) Trong năm, Công ty đã điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp trích thiếu trong năm trước căn cứ theo Kết luận thanh tra thuế cho năm tài chính 2019 của Cục thuế thành phố Hà Nội.

**28.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Cổ tức công bố	21.954.480.000	20.582.325.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông lớn của Công ty	Doanh thu dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ Cổ tức công bố Cổ tức đã nhận	2.817.837.800 14.468.371.489 4.800.000.000 1.000.000.000	2.716.483.615 18.000.863.530 4.500.000.000 1.000.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 1 – Pharbaco	Bên liên quan khác	Bán hàng hoá và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	624.873.600 1.916.453.000	189.000.000 14.683.705.070
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 2	Bên liên quan khác	Bán hàng hoá và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	4.514.325.000 4.268.843.050	2.521.425.000 3.684.235.424
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha	Cùng công ty mẹ	Bán hàng hoá và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	- -	1.124.279.692 16.800.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Bên liên quan khác	Bán hàng hoá và dịch vụ Mua hàng hoá và dịch vụ	1.500.000.000 3.972.373.250	339.768.000 4.285.857.350

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Vidipha	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa	-	12.442.815
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>12.442.815</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 6)</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông của công ty	Ủy thác nhập khẩu	-	10.935.567.055
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>-</b>	<b>10.935.567.055</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</b>				
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	Cổ đông lớn của Công ty	Mua hàng hóa	4.730.265.561	6.797.416.488
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa	-	1.852.200
Công ty Cổ phần Hóa – Dược phẩm Mekophar	Bên liên quan khác	Mua hàng hóa	-	443.625
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>4.730.265.561</b>	<b>6.799.712.313</b>

**Các giao dịch với các bên liên quan khác**

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Giám đốc:

*Đơn vị tính: VND*

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Phạm Đức Thọ	Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	725.089.673	660.140.420
Ông Nguyễn Doãn Liêm	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	880.517.982	741.082.184
Ông Công Việt Hải	Thành viên HĐQT	30.000.000	55.000.000
Ông Lê Nam Thắng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Hồng Nhung	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Bà Hàn Thị Khánh Vinh	Thành viên HĐQT	30.000.000	-
Ban kiểm soát	Ban kiểm soát	555.891.196	462.971.703
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.341.498.851</b>	<b>2.039.194.307</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**30. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động***

Công ty hiện đang đi thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	4.793.838.472	3.939.128.756
Từ 1 – 5 năm	23.467.217.700	19.695.643.780
Trên 5 năm	81.197.514.330	72.269.474.283
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>109.458.570.502</u></b>	<b><u>95.904.246.819</u></b>

**31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	40.562.465.987	37.780.170.043
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm	(4.773.120.578)	(4.811.422.104)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b><u>35.789.345.409</u></b>	<b><u>32.968.747.939</u></b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.979.000	20.979.000
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>20.979.000</u></b>	<b><u>20.979.000</u></b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.706</b>	<b>1.572</b>

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh giảm khoản thực trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được điều chỉnh giảm khoản tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho cán bộ công nhân viên căn cứ theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 29 tháng 5 năm 2020.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.



Người lập  
Ninh Thị Thu Hiền



Kế toán trưởng  
Đặng Thị Dư



Tổng Giám đốc  
Nguyễn Doãn Liêm

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 10 tháng 3 năm 2021